

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30** /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn giữa chị Võ Thị L với anh
Phạm Văn X

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Ngoan.
2. Bà Lê Thị Mai Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hươi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn PX, xã PV, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Thôn XT, xã VX, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn X, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn PX, xã PV, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17-3-2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị là Võ Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn X tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 15-3-2005 tại Ủy ban nhân dân xã VX, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ của anh X tại thôn PX, xã PV, huyện AL, tỉnh

Thừa Thiên Huế. Vợ chồng chung sống được khoảng hai năm thì này sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X có hành động bạo lực, thời gian đi làm đã vi phạm pháp luật nên bị kết án phạt tù, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ con nên từ năm 2008, chị đưa con về quê sinh sống. Từ khi anh X trở về nơi cư trú cũng không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng không chung sống với nhau, mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung tên là Phạm Văn N, sinh ngày 02-01-2006. Từ khi vợ chồng không chung sống, chị nuôi cháu N, anh X không có trách nhiệm gì với con nên chị yêu cầu giao cho chị trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn X trong thời hạn quy định không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh X đều vắng mặt.

Tại Văn bản trình bày ngày 21-3-2018, cháu Phạm Văn N có nguyện vọng ở với chị L nếu bố mẹ ly hôn.

Ngày 18-4-2018 và ngày 15-5-2018, Tòa án đã hai lần tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh X vắng mặt tại thời điểm tổng đạt nên đã lập biên bản và giao cho chị Phạm Thị L là em ruột của anh X đang cư trú cùng địa chỉ nhận và cam kết giao lại cho anh X tham gia phiên họp, hòa giải vào ngày 07-5-2018 và ngày 18-5-2018 nhưng anh X đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được; do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 05-6-2018, Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh X nhưng tại phiên tòa ngày 15-6-2018 anh X vắng mặt, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần hai. Ngày 15-6-2018, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho anh X vào ngày 27-6-2018 nhưng anh X tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Võ Thị L và anh Phạm Văn X kết hôn hợp pháp, đã có một con chung là cháu Phạm Văn N, sinh ngày 02-01-2006. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, anh X có hành động bạo lực gia

đình và vi phạm pháp luật nên vợ chồng đã không chung sống với nhau; Tòa án nhiều lần tổng đạt trực tiếp thông báo tham gia hòa giải nhưng anh X vắng mặt là không có thiện chí hàn gắn; cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu cho chị L ly hôn. Về con chung thì cháu N có nguyện vọng ở với mẹ nên chấp nhận giao cho chị L trực tiếp nuôi, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 35 của Bộ luật Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử cho chị L được ly hôn anh X; giao cháu N cho chị L nuôi, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con; chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Võ Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là anh Phạm Văn X có địa chỉ cư trú tại thôn PX, xã PV, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A Lưới thụ lý vụ án là đúng quy định.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị L và anh Phạm Văn X kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân xã VX, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số XX, ngày 15-3-2005. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ có cơ sở xác định vợ chồng đã không chung sống. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh X thiếu tôn trọng quy tắc của cuộc sống, vi phạm pháp luật bị kết án phạt tù, có lỗi dẫn đến vợ chồng không thể chung sống với nhau thời gian dài, ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm giữa vợ chồng với nhau và với con chung. Mặc dù đã được Tòa án thông báo tham gia hòa giải nhưng cũng không tham gia. Chứng tỏ, anh X không có thiện chí hàn gắn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị L được ly hôn theo yêu cầu và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã PV cấp có cơ sở xác định chị L và anh X có một con chung là cháu Phạm Văn N, sinh ngày 02-01-2006.

Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Từ khi vợ chồng không chung sống thì cháu N ở với chị L, đang đi học và có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để bảo đảm cháu ổn định cuộc sống, việc học tập và quyền lợi mọi mặt, cần chấp nhận giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi đến khi thành niên như yêu cầu của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[6] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[8] Về quyền kháng cáo: Bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị L với anh Phạm Văn X; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Văn N, sinh ngày 02-01-2006 cho chị Võ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị L chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2013/004142 ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới; chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- UBND xã VX;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, án văn HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường